

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1978.

* Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: **Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương**.

(Nguyên đơn, Bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Trần Thị H** sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương** vào ngày 19/01/2000. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng cư trú và sinh sống cùng bố, mẹ đẻ anh tại **thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương**; vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống về tình cảm và cuộc sống gia đình, con cái nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn, từ năm 2014 thì vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **H**.

2. Về con chung: Anh và chị **H** có 02 con chung là **Bùi Minh C1**, sinh ngày

27/9/2001 và **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cả 02 con chung đều ở với chị **H**, hiện nay cháu **Bùi Minh C1** đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu **Bùi Tiến L** hiện đang ở cùng chị **H**, việc cháu muốn ở với bố hay với mẹ thì anh cũng đều tôn trọng nguyện vọng của cháu. Nếu cháu muốn ở với anh thì anh tự nguyện không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng nuôi con; nếu cháu có nguyện vọng muốn ở với chị **H** và chị **H** yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng nhất trí giao cháu cho chị **H** nuôi dưỡng; mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Hiện nay anh đang làm kinh doanh tự do; tổng thu nhập mỗi tháng được 07 triệu nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Bị đơn*:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh **Bùi Văn C** sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương** vào ngày 19/01/2000. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh cháu **Bùi Minh C1** được khoảng 01 tháng thì anh **C** phạm tội và phải đi chấp hành án, trong thời gian đó chị vẫn hoàn thành trách nhiệm của người vợ, thường xuyên lên thăm chồng và chăm sóc con cái; tuy nhiên sau khi ra trại thì anh **C** vẫn chơi bời, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con và thường xuyên vắng nhà, chỉ thỉnh thoảng mới về. Quan điểm của chị không đồng ý ly hôn, nếu anh **C** kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là **Bùi Minh C1**, sinh ngày 27/9/2001 và **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007; cháu **C1** đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu **L** hiện đang ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận và chị mới bị tai nạn giao thông nên không thể đến Tòa án làm việc, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự; cụ thể như sau:

- Ông **Trần Văn T-Trưởng thôn Q, xã N, huyện K** cung cấp: Anh **Bùi Văn C** và chị **Trần Thị H** đăng ký kết hôn và cư trú tại **thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương**; vợ chồng trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn do anh **C** chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau.

- Ông **Bùi Văn TI** (bố đẻ của anh **C**) khai: Sau khi kết hôn thì anh **C** và chị **H** sinh sống tại gia đình ông, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **C** chơi bời gái gú, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con; gia đình nhiều lần khuyên bảo

nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục, vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, không quan tâm gì đến nhau.

Vợ chồng anh **C**, chị **H** có 02 con chung là **Bùi Minh C1**, sinh ngày 27/9/2001 và **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007. Cháu **C1** đã trưởng thành và có công việc ổn định, cháu **L** chưa đủ 18 tuổi, hiện đang ở cùng chị **H**. Vợ chồng ông vẫn tạo điều kiện giúp chị **H** trong việc trông nom, nuôi dưỡng con chung. Nếu anh **C** và chị **H** ly hôn thì đề nghị giao cháu **L** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng, gia đình ông vẫn sẽ tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở và giúp chị **H** trông nom, chăm sóc con chung.

- Cháu **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007 khai: Do mâu thuẫn nên bố mẹ đã sống ly thân từ lâu, cháu ở cùng mẹ và ông bà nội; việc nuôi dưỡng, chăm sóc được mẹ lo chu đáo. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu được tiếp tục ở với mẹ để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng và học tập.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, Bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đều chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Văn C**, xử cho anh **C** được ly hôn với chị **Trần Thị H**.

Về con chung: Do cháu **Bùi Minh C1**, sinh ngày 27/9/2001 đã trên 18 tuổi, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; giao cháu **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007 cho chị **Trần Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 7/2024 đến khi cháu **L** đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** về việc không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **C** được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại **xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương** nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim

Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* **Bùi Văn C** và chị **Trần Thị H** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/01/2000 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng anh **C**, chị **H** phát sinh mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được khắc phục. Quan điểm của chị **H** không đồng ý ly hôn, nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện thì cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Văn C** về việc ly hôn với chị **Trần Thị H**.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Bùi Minh C1**, sinh ngày 27/9/2001 và **Bùi Tiến L**, sinh ngày 04/10/2007. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu **C1** đã trên 18 tuổi và các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; đối với cháu **L** thì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị **H** vẫn đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **L** và chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu **L**. Chị có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện về chỗ ở nên đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu **L** cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập; cần tiếp tục giao cháu **L** cho chị **H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H** về việc không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Văn C**; xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Văn C** được ly hôn với chị **Trần Thị H**.

- Về con chung: Cháu **Bùi Minh C1** đã trên 18 tuổi, các đương sự đều không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị **Trần Thị H** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Bùi Tiến L**. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Trần Thị H** về việc không yêu cầu anh **Bùi Văn C** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung vợ chồng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh **Bùi Văn C** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0002006 ngày 07/5/2024. Anh **C** đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bộ Đỗ Thị Á Thương

Chu Văn Nghĩa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND xã Ngũ Phúc, h Kim Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bộ Đỗ Thị Á Thương

Chu Văn N

